

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC6+P11+P4	7:25	11+10+0	0+0+0		0+0+19	0+0+0	
2		RC5+CTK3+PPD	9:25	19+0+2	0+0+0		0+0+2	0+0+0	Chuyến 10 CTK3-P2

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410 H26	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RC6 - P11 - P4	CREW: HUNG - HTRUNG - VU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3953	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN TÂN	RC6	33	1	8			90	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ TÁ HOAN	RC6	28-29	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
3	PHÙNG THỂ TÀI	RC6	24	1	10	1	15	64	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH HÙNG	RC6	26-27	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN BÁ TIẾN	RC6	32	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH TIẾN	RC6	22	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN TỬ	RC6	34-35	2	21			66	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ HỒNG QUÂN	RC6	30-31	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
9	VĂN TIẾN DUÂN	RC6	18	1	10	1	13	72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LONG	RC6	36	1	18			59	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN PHÚC	RC6	20	1	10	1	14	79	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH TỬ	RC6	23	1	7			65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN QUYỀN	P11	99	1	12	1	14	67	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN VĂN HÙNG	P11	96	1	10	1	12	63	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC THỂ	P11	800,726	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH HẢI	P11	27-28	2	15			60	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN TÂN	P11	94	1	12			62	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NGÔ ANH TUẤN	P11	95	1	9			62	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG THANH TUẤN	P11	29	1	8	3	24	74	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
20	NGUYỄN TRẦN PHÚ QUÝ	P11	30	1	10			60	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SƯƠNG	P11	31	1	8			62	TRƯỜNG VINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	12	844	16	166	3	42	0		
2	P11	9	578	11	102	5	50	0		
3	P4	0	0	0	0	0	0	20		
TOTAL		21	1.422	27	268	8	92	20		
WEIGHT KG			1.422		268		92			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIẾP

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 28/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8426	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: RC5 - CTK3 - PPD	CREW: HUNG - HTRUNG - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/3954		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ ĐẶNG MINH TIẾN	RC5	47-48	2	14			85	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ PHÚC HOÀNG	RC5	46	1	19			85	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC QUYẾT	RC5	23	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG KHẮC CƯỜNG	RC5	24	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
5	HUỖNH ĐỨC TÂM	RC5	45	1	7			63	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÀO HẢI TÙNG	RC5	49	1	15			82	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC THÀNH	RC5	42	1	14			57	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÀI	RC5	52	1	14	1	16	75	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN QUANG KHU	RC5	27	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI VĂN MINH	RC5	36	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN LUÂN	RC5	37-38	2	13			60	XAYLAP	Vietnamese
12	MAI CÔNG HUÂN	RC5	34-35	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ NGỌC HIỀU	RC5	25	1	10	1	12	69	XAYLAP	Vietnamese
14	TRỊNH NGỌC THÁI	RC5	39-40	2	16			95	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	RC5	32-33	2	20			80	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM BÁ HOÀNG	RC5	50-51	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THANH TRƯỜNG	RC5	30-31	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN BÁ LƯU	RC5	43-44	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	RC5	28-29	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
20	VƯƠNG ĐỨC HUY	RC5	41	1	17			91	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	20	1.461	29	300	2	28	0		
2	CTK3	0	0	0	0	0	0	0	9	CHUYỂN 09 PAX CTK3 SANG PPD
3	PPD	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.461	29	300	2	28	2		
WEIGHT KG			1.461		300		28			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HƯNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+TD1+C10	7:25	4+6+11	0+0+0		0+2+20	0+0+0	chuyen 2 td1-clo
2		PPD+TD1	7:25	5+13	0+0		0+21	0+0	
3		RP1+RC3+RC10	9:25	17+1+3	0+0+0		13+1+0	0+0+0	
4		RP3+RP1+MRM	9:25	8+11+0	0+0+0		0+0+4	0+0+0	
5		PPD+RP2	11:40	15+7	0+0		0+0	0+0	
6		P4+P9+P2	11:40	7+0+13	0+0+0		1+4+2	0+0+0	chuen 2 p4-ppdchuyen 1 p9-p2

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người P9 về đi P11



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 29/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK3 - TD1 - CLO	CREW: QVIỆT - SON - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/4012	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐỨC HẢO	BK3	52	1	16	1	9	79	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐĂNG THÀNH	BK3	56	1	12	1	10	64	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ DANH NGỌC	BK3	50-51	2	16	5	77	82	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ BÁ HÒA	BK3	54	1	17	1	16	73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1	37	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1						68	KHOAN	Vietnamese
7	MAI XUÂN TÙNG	TD1	35	1	5			86	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VÕ NHẬT QUANG	TD1	34	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM MINH HIẾU	TD1	38	1	2			57	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUÂN	TD1	36	1	9			55	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	56	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	59	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC LÝ	CLO	55	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
14	CHU ĐỨC AI	CLO	60	1	4			85	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH HẢI	CLO	63	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	66-67	2	10			81	KHOAN	Vietnamese
17	TRƯƠNG VĂN THỌ	CLO	61	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CLO	62	1	3			80	ANTOAN	Vietnamese
19	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	65	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
20	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	64	1	6			62	DVL	Vietnamese
21	LẠI ĐÌNH HẢI	CLO	57-58	2	12			81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	4	298	5	61	8	112	0		
2	TD1	6	404	5	27	0	0	2	2	CHUYEN 2 PAX TD1-CLO
3	CLO	11	842	13	66	0	0	20		
TOTAL		21	1.544	23	154	8	112	22		
WEIGHT KG			1.544		154		112			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 29/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - TD1	CREW: TTRUNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/4015	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI XUÂN NGỌC	PPD	72,3000	2	6	1	18	66	XAYLAP	Vietnamese
2	LƯƠNG XUÂN QUANG	PPD	85	1	14			54	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CHIẾN	PPD	75	1	10	1	14	71	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM QUANG CHUNG	PPD	73	1	10	1	16	52	XAYLAP	Vietnamese
5	PHÙNG VĂN DIỆN	PPD	77	1	6	1	15	73	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TỐI	PPD	79-80	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
7	HỒ VĂN DUYỆT	PPD	81	1	10	1	12	62	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	PPD	86-87	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	PPD	83	1	10	1	12	71	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ MẠNH HẢI	TD1	50	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUANG SÁNG	TD1	49	1	6			53	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH TRỌNG THỌ	TD1	52-53	2	12			64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BẢO	TD1	51	1	10			66	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD1	40-41	2	18			85	YTE	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN MINH	TD1	39	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG XUÂN THI	TD1	47	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	48	1	12			66	KHOAN	Vietnamese
18	LƯU BÁ XÔ	TD1	56	1	10	2	13	82	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD1	43-44	2	15			76	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC BÌNH	TD1	45	1	15			66	DVL	Vietnamese
21	LƯƠNG MẠNH HẢI	TD1	46	1	19			78	DVL	Vietnamese
22	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD1	42	1	15			84	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	9	592	12	99	6	87	0		
2	TD1	13	941	16	146	2	13	21		
TOTAL		22	1.533	28	245	8	100	21		
WEIGHT KG			1.533		245		100			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 29/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 09:50
B.CARD: VÀNG-2	TO: RP1 - RC3 - RC10	CREW: QVIỆT - SON - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/4013		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LƯU SÙNG BÁ	RP1	30	1	6	1	10	57	XAYLAP	Vietnamese
2	PHÙNG QUỐC VIỆT	RP1	21	1	18			84	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG HUY CẬN	RP1	17	1	17			66	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG HOAN	RP1	28-29	2	15			56	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LUYỆN	RP1	03-04	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
6	BÙI VĂN HÓA	RP1	18	1	13			45	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP1	09-10	2	20			55	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẶNG QUỐC THẠCH	RP1	22-23	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN TỨC	RP1	15-16	2	19			54	XAYLAP	Vietnamese
10	LA VĂN ĐỨC	RP1	19-20	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ HUY CHƯƠNG	RP1	11-12	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
12	VÕ HOÀNG HẢI	RP1	13-14	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ TRỌNG LÝ	RP1	26-27	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN TƯƠI	RP1	24-25	2	17	2	38	66	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN HUY ANH	RP1	07-08	2	20			93	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ VĂN TRUNG	RP1	05-06	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RC3	56	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC ĐIỀU	RC10	76	1	16	1	13	77	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN SỸ ANH TÚ	RC10	74-75	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
20	PHÙNG VĂN PHƯƠNG	RC10	73	1	19			63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	16	1.057	28	276	3	48	13		
2	RC3	1	70	1	11	0	0	1		
3	RC10	3	213	4	55	1	13	0		
TOTAL		20	1.340	33	342	4	61	14		
WEIGHT KG			1.340		342		61			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 29/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: RP3 - RP1 - MRM	CREW: TTRUNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/4016		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGÔ DUY NGỌC	RP3	36	1	15	3	27	60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	RP3	34-35	2	17			68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÌNH	RP3	28-29	2	17			78	CODIEN	Vietnamese
4	HUỖNH NGỌC TÂM	RP3	33	1	6			77	CODIEN	Vietnamese
5	NÔNG MINH HẢI	RP3	31	1	12			73	CODIEN	Vietnamese
6	ĐINH MAI THIÊN	RP3	27	1	13			72	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG DUY	RP3	30	1	11			87	CODIEN	Vietnamese
8	ĐỖ THANH TÙNG	RP3	32	1	12			69	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KHÁNH	RP1	15-16	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TUYẾN	RP1	12	1	17			74	XAYLAP	Vietnamese
11	TRƯƠNG TIẾN TRỌNG	RP1	23-24	2	13			75	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÀO TUẤN ANH	RP1	27-28	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN PHI HÙNG	RP1	67	1	10			60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRỊNH ĐÌNH THÀNH	RP1	17	1	11	1	12	55	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ TIẾN DỰ	RP1	10-11	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TÂM	RP1	19-20	2	16			74	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐÀO MINH HẢI	RP1	21-22	2	14	3	13	68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH TRUNG	RP1	26	1	8	5	85	80	CODIEN	Vietnamese
19	VƯƠNG QUỐC VIỆT	RP1	25	1	10			58	CODIEN	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC LỢI	RP1	13-14	2	17			63	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	8	584	10	103	3	27	0		THẢO 02 CHỖ CHỖ 85KG HÀNG
2	RP1	12	791	19	168	9	110	0		
3	MRM	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	1.375	29	271	12	137	4		
WEIGHT KG			1.375		271		137			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 29/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 12:10
B.CARD: TIM-3	TO: PPD - RP2	CREW: DƯƠNG - N.CƯƠNG - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/4014	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TUẤN	PPD	48-49	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG HUY	PPD	36	1	15			59	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐOÀN CÔNG MẠNH	PPD	43-44	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ VĂN QUYỀN	PPD	46	1	10			62	XAYLAP	Vietnamese
5	HỒ SỸ HÙNG	PPD	42	1	12			78	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ CÔNG THƯỜNG	PPD	52-53	2	17			78	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ VĂN ĐẠO	PPD	39	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
8	BIỆN VĂN LƯƠNG	PPD	32	1	10	1	11	74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGÔ ĐÌNH THẮNG	PPD	50-51	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN THÀNH	PPD	45	1	13			76	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN THANH ANH	PPD	40-41	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HIẾU	PPD	37-38	2	19			77	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN KHẮC QUANG	PPD	30	1	10	1	12	66	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KIÊN	PPD	34	1	11	1	19	75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC HÙNG	RP2	12	1	10	1	11	69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT LỘC	RP2	09-11	3	19			59	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ NHẬT QUI	RP2	14	1	14	1	18	68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG HỮU	RP2	02	1	11	1	10	61	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
19	ĐỖ HỒNG HOÀN	RP2	04-05	2	13			67	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN XIN	RP2	06	1	10	2	11	72	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
21	NGUYỄN SỸ TỬ	RP2	01	1	9			66	QUYẾT THẮNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	14	990	20	198	3	42	0		
2	RP2	7	462	10	86	5	50	0		
TOTAL		21	1.452	30	284	8	92	0		
WEIGHT KG			1.452		284		92			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯƠNG

Xin chát liên lạc tổng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 29/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 12:15
B.CARD: HỒNG-3	TO: P4 - P9 - P2	CREW: HUNG - N.ANH - DTUNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/4017	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VI ĐỨC TỰ	P4	07	1	8	1	13	65	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LUYỆN	P4	06	1	8			78	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
3	LÊ VĂN TÂN	P4	10	1	10			62	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	P4	05	1	8			58	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DŨNG	P4	08-09	2	15			83	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN QUANG	P4	13-14	2	19			71	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THONG	P4	11-12	2	20			56	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC VIỆT	P2	02	1	7	1	21	64	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TẠ	P2	12,20	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
10	KIỀU TỬ ANH	P2	15-16	2	13			79	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUÝ THUẬN	P2	72-73	2	17			56	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TÂN	P2	84-85	2	19			55	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN HẬU HẢI	P2	82-83	2	19			55	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN TUẤN VIỆT	P2	74-75	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG PHÚC	P2	76	1	10	1	16	62	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐINH VĂN TUẤN	P2	18-19	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐÀO XUÂN VIỆT	P2	17	1	15			63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGÔ VĂN MẠNH	P2	80-81	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN KIM VƯƠNG	P2	14	1	19			61	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH BIÊN	P2	13,86	2	20			84	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN QUANG PHUC	P2	77-78	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	7	473	10	88	1	13	1	2	CHUYEN 2 PAX P4-P2
2	P9	0	0	0	0	0	0	4	1	CHUYEN 1 PAX P9-P2
3	P2	14	912	24	235	2	37	0		
TOTAL		21	1.385	34	323	3	50	5		
WEIGHT KG			1.385		323		50			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH

